

## CHUYÊN MỤC

### TRIẾT HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC - LUẬT HỌC

# NGUYÊN TẮC TÍNH HỆ THỐNG TRONG PHƯƠNG PHÁP LUẬN NHẬN THỨC THỰC TIỄN

NGUYỄN NGỌC KHÁ

*Trong thời đại của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ, do yêu cầu của thực tiễn xã hội, của sự phát triển triết học và các khoa học chuyên ngành, tính hệ thống đang được coi là một trong những nguyên tắc phương pháp luận phổ biến của nhận thức thực tiễn. Nguyên tắc tính hệ thống có nội dung hết sức phong phú, thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau, mà những yêu cầu của nó là những chỉ dẫn tuyệt vời trong quá trình nhận thức khách thể để đạt đến chân lý. Do vậy, việc nắm vững nguyên tắc này và vận dụng nó một cách phù hợp sẽ mang lại hiệu quả thiết thực đối với nhận thức của con người.*

Một trong những yêu cầu có tính nguyên tắc của phép biện chứng mác-xít là nghiên cứu khách thể một cách có hệ thống biến những tri thức trừu tượng, phiến diện thành những tri thức ngày càng đầy đủ hơn, cụ thể, sâu sắc hơn – V. I. Lênin (1981, tập 29, tr. 208-209) viết: “Tồn tại riêng lẻ (sự vật, hiện tượng) – đó là (chỉ là) một mặt của tư tưởng (chân lý). Đối với chân lý còn phải có những mặt khác của hiện thực, những mặt ấy dường như cũng độc lập, riêng lẻ... Chỉ

trong tổng thể của chúng... trong những mối quan hệ của chúng mới đạt được chân lý”.

## 1. PHẠM TRÙ HỆ THỐNG

Đã có nhiều nhà triết học trong lịch sử đề cập tới vấn đề “hệ thống”, từ Aristotle thời cổ đại Hy Lạp đến F. Bacon, R. Descartes thời cận đại ở Tây Âu, rồi đến I. Kant, G. Hegel trong triết học cổ điển Đức. Nhưng chỉ đến khi triết học Marx<sup>(1)</sup> ra đời mới mang tính biện chứng duy vật về phạm trù “hệ thống”, cũng như nguyên tắc tính hệ thống.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin không để lại cho chúng ta những

Nguyễn Ngọc Khá. Tiến sĩ. Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

định nghĩa trực tiếp về hệ thống với tính cách là một phạm trù triết học, cũng như nguyên tắc tính hệ thống với tư cách là nguyên tắc phương pháp luận phổ biến của nhận thức thực tiễn, song trong các tác phẩm của mình, từ việc nghiên cứu giới tự nhiên cho đến lĩnh vực xã hội và tư duy, các ông đều thể hiện rõ tư tưởng về hệ thống và nguyên tắc tính hệ thống.

C. Mác là người đầu tiên đứng trên lập trường duy vật biện chứng để nghiên cứu một trong các hệ thống vật chất phức tạp nhất, đó là xã hội loài người. Theo ông, xã hội là một hệ thống tự phát triển, trải qua các giai đoạn khác nhau và các giai đoạn đó được gọi là các hình thái kinh tế-xã hội. C. Mác đã xem hình thái kinh tế-xã hội tư bản chủ nghĩa như là một hệ thống phức tạp, hình thành từ các yếu tố trong sự tác động qua lại, trong những mâu thuẫn nội tại đa dạng và sâu sắc. C. Mác viết: “Chủ nghĩa tư bản và các hình thái kinh tế-xã hội trước nó là các hệ thống” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1998, tập 46, tr. 331).

Trong các tác phẩm chuẩn bị cho bộ *Tư bản*, C. Mác chỉ ra rằng, tính hệ thống là một thuộc tính đặc trưng cho tất cả các sự vật, hiện tượng và quá trình của giới tự nhiên cũng như đời sống xã hội, thể hiện qua kết cấu, hình thức và sự phát triển nội tại “xã hội, – C. Mác viết – hoàn toàn không phải là một khối kết tinh vững chắc, mà là một cơ thể có khả năng biến đổi và luôn luôn ở trong quá trình biến đổi” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1993, tập 23, tr. 22). Hoặc khi nói đến sản xuất, C. Mác cho rằng, bao giờ cũng là nói đến sản xuất ở một giai đoạn phát triển xã hội nhất định. Ông viết: “... sản xuất

cũng có một cơ thể xã hội nhất định, một chủ thể xã hội đang hoạt động trong một tổng thể to lớn của các ngành sản xuất... Sản xuất nói chung. Những ngành sản xuất đặc thù. Sản xuất coi như là một tổng thể toàn bộ” (1993, tập 12, tr. 858).

Từ những lập luận trên, C. Mác đã đưa ra tư tưởng về hệ thống với tính cách là một phạm trù triết học, đặc trưng cho một thuộc tính quan trọng của thế giới vật chất. Trong *Bản thảo kinh tế 1857-1859*, C. Mác viết “Bản thân hệ thống hữu cơ này, với tư cách là một tổng thể chỉnh thể, có những tiền đề của mình, và quá trình phát triển của nó theo hướng chỉnh thể chính là thể hiện ở chỗ chi phối tất cả những thành phần trong xã hội hoặc là từ xã hội mà tạo ra những cơ quan mà hệ thống ấy còn thiếu. Bằng cách ấy, trong quá trình phát triển lịch sử, hệ thống chuyển hóa thành chỉnh thể. Việc hệ thống trở thành chỉnh thể như thế tạo thành yếu tố cấu thành nó, cấu thành hệ thống, quá trình, tạo thành yếu tố phát triển của nó” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1998, tập 46, tr. 379-380).

Ở đây, C. Mác đã xác định dấu hiệu biện chứng khách quan của hệ thống với tính cách là động lực bên trong của sự vận động, phát triển, vạch ra những quy luật nội tại của sự phát triển khách quan ấy. C. Mác viết tiếp: “Về mặt lịch sử, mỗi hệ thống cụ thể được quy định bằng những hệ thống khác, chúng thiết lập nên cơ sở của sự phát triển, rằng mỗi yếu tố của hệ thống phụ thuộc vào những yếu tố khác, vào cái chỉnh thể được thiết lập, nghĩa là phụ thuộc vào hệ thống chỉnh thể, còn mỗi liên hệ qua lại giữa các yếu tố được xem như là động lực bên trong của sự

phát triển của toàn bộ hệ thống” (1998, tập 46, tr. 332-333).

Như vậy, có thể nói rằng, tính hệ thống, theo quan điểm của C. Mác, là yếu tố tất nhiên, không thể bác bỏ được của biện chứng về sự phát triển; hơn nữa, phép biện chứng của C. Mác trước hết là phép biện chứng của các hệ thống. Không phải ngẫu nhiên khi chỉ ra động lực bên trong của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản với tính cách là một “chính thể hữu cơ”, C. Mác khẳng định đó chính là mâu thuẫn nội tại của nó. Ông viết: “... sự phát triển của những mâu thuẫn của một hình thức sản xuất lịch sử nhất định là con đường lịch sử duy nhất để làm cho nó tan rã và hình thành một hình thức mới” (1993, tập 23, tr. 694).

C. Mác (1995, tập 2, tr. 55) đã phân chia các yếu tố cấu thành hệ thống thành hai mặt đối lập, liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau trong một chính thể, nhằm đảm bảo tính ổn định tương đối và tính phát triển của hệ thống. Một là, “mặt bảo thủ” nằm trong khuynh hướng bảo tồn, đảm bảo cho tính bền vững, ổn định của hệ thống; hai là, “mặt công phá” thuộc về khuynh hướng dẫn đến sự phát triển tiếp theo, nhằm khắc phục những mâu thuẫn hiện đang tồn tại.

Đặc biệt, các tác phẩm của C. Mác chứa đựng hàng loạt các luận điểm mang tính nguyên tắc của phép biện chứng về sự liên hệ, tác động qua lại bên trong và bên ngoài hệ thống. Ông khẳng định: “Nếu những quá trình độc lập với nhau và đối diện với nhau, lại tạo ra một sự thống nhất bên trong nhất định, thì điều đó cũng có nghĩa là sự thống nhất bên trong của những quá trình đó vận động trong

những sự đối lập ở bên ngoài” (tập 23, tr. 174). Luận điểm của C. Mác chỉ rõ vai trò quan trọng của sự tác động qua lại bên trong hệ thống và giữa các hệ thống với nhau, cũng như sự liên hệ hữu cơ giữa cái bên trong và cái bên ngoài, trong đó cái bên trong đóng vai trò quyết định.

Quan điểm trên đây của C. Mác về phạm trù hệ thống đóng vai trò là những nguyên tắc phương pháp luận nền tảng. Cũng như vậy, vấn đề hệ thống cũng được thể hiện rõ trong quan điểm của Ph. Ăngghen.

Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, ông đã coi giới tự nhiên là một hệ thống và chính quan điểm này là cơ sở để xác định phạm trù hệ thống. Ph. Ăngghen viết: “Tất cả giới tự nhiên mà chúng ta có thể nghiên cứu được, là một hệ thống, một tập hợp gồm các vật thể khăng khít với nhau, nhưng ở đây, chúng ta hiểu vật thể là tất cả những thực tại vật chất, từ tinh tú đến nguyên tử, cho đến cả những hạt ê-te, nếu chúng ta thừa nhận sự tồn tại của hạt ê-te” (C. Mác và Ph. Ăngghen. 1993, tập 20, tr. 520).

Như vậy, bản chất của hệ thống, theo Ph. Ăngghen, trước hết là mối liên hệ qua lại giữa các vật thể trong toàn bộ vũ trụ từ vi mô đến vĩ mô. Ông nhấn mạnh: “...dù người ta có quan niệm như thế nào chăng nữa về cấu trúc của vật chất thì cũng vẫn chắc chắn là cấu trúc ấy đã được sắp xếp thành một loạt nhiều nhóm lớn có ranh giới rành mạch, gồm những khối lượng tương đối, khác nhau, sao cho về mặt khối lượng thì những thành viên của từng nhóm đó có những quan hệ xác định hữu hạn với nhau, nhưng đối với những thành viên của nhóm lân cận

thì chúng lại là vô cùng lớn hoặc vô cùng bé theo nghĩa của toán học. Hệ thống tinh tú mà ta nhìn thấy, hệ thống mặt trời, những khối lượng trên trái đất, những phân tử và nguyên tử, và cuối cùng là những hạt nhỏ ê-te đều hình thành từng nhóm như thế” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1993, tập 20, tr. 772).

Quan điểm trên cho thấy, khi xác định đặc trưng của hệ thống, Ph. Ăngghen đã nêu lên hai dấu hiệu cơ bản quyết định sự tồn tại và phát triển của nó: Một là, mối liên hệ qua lại giữa các vật thể; hai là, ranh giới của các vật thể đó. Chính các dấu hiệu đặc trưng này làm cho hệ thống biểu hiện với tính cách là một chỉnh thể thống nhất, có tính xác định về chất.

Tiếp tục công việc của C. Mác và Ph. Ăngghen, V. I. Lênin đã nghiên cứu chủ nghĩa tư bản với tính cách là một hệ thống ở giai đoạn phát triển mới của nó là chủ nghĩa đế quốc. Ông khẳng định: “Chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành một hệ thống có tính chất toàn thể giới của một nhóm nhỏ các nước “tiên tiến” đi áp bức thuộc địa và dùng tài chính để bóp nghẹt đại đa số nhân dân thế giới” (V. I. Lênin, 1980, tập 27, tr. 389).

Quan điểm của V. I. Lênin về chủ nghĩa tư bản đã mang lại những tư liệu hết sức phong phú về bản chất và các quy luật vận động của một trong những hệ thống phát triển nhất của thế giới khách quan. Hơn nữa, ông còn chỉ ra rằng, đối với các hệ thống xã hội thì một đặc trưng cơ bản của nó không chỉ là hệ thống tự tổ chức, mà còn là hệ thống tổ chức, gắn liền với hoạt động sáng tạo, có nhu cầu, mục đích của con người. V. I. Lênin đã

thực hiện cuộc đấu tranh kiên trì vì sự thành lập đảng kiểu mới, ông khẳng định đảng là một hệ thống có tổ chức.

Giảng giải về vấn đề này, V. I. Lênin từng viết: “Những con người khờ khạo thay! Họ đã quên rằng trước kia đảng ta chưa phải là một khối chính thức có tổ chức, mà chỉ là một tổng số những nhóm riêng biệt và do đó, giữa các nhóm ấy không thể có những quan hệ nào khác, ngoài sự tác động về mặt tư tưởng. Hiện nay, chúng ta đã trở thành một đảng có tổ chức, điều đó có nghĩa là chúng ta đã tạo ra một quyền lực, biến uy tín về tư tưởng thành uy tín về quyền lực, khiến cấp dưới phải phục tùng cấp trên của đảng” (V. I. Lênin, 1929, tập 8, tr. 428-429).

Rõ ràng V. I. Lênin đã chỉ ra tính lịch sử của sự hình thành đảng với tính cách là một hệ thống. Ông đặc biệt nhấn mạnh vai trò chủ đạo của quá trình tổ chức và chính sự tổ chức quyết định đến sự thành bại của đảng cách mạng.

Quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin về hệ thống cho thấy, hệ thống cho dù ở bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều vận động theo các quy luật khách quan, đều được cấu thành từ những yếu tố liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau, đều chứa đựng những năng lực nội tại, những động lực và cội nguồn của sự tự thân vận động, tự thân phát triển. Quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin về tính hệ thống đã mang lại cơ sở khoa học vững chắc cho nghiên cứu về hệ thống sau này.

Để hiểu được nguyên lý hệ thống, cần vạch ra những khái niệm liên quan trực tiếp với nó.

Trước hết, để có được một định nghĩa xác thực về hệ thống thì cần phải xuất phát từ ngay bản thân đối tượng mà nó phản ánh, nhằm vạch ra tính tổ chức nội tại, tính quy luật, tính trật tự của đối tượng ấy. Trên thực tế, bất kỳ một hệ thống nào, từ hạt nhân nguyên tử đến nguyên tử, từ phân tử đến tế bào, từ cơ thể sinh vật đến xã hội,... đều có một loại chất lượng tổng hợp, mà không thể quy về các thuộc tính hoặc tổng số các thuộc tính của các yếu tố cấu thành.

Chẳng hạn, phân tử nước ( $H_2O$ ) được hình thành từ hai nguyên tử hydro và một nguyên tử oxy. Nếu xét riêng bản thân hydro với hai nguyên tử của nó và một nguyên tử oxy thì chúng là những hệ thống gây cháy và kích thích sự cháy. Nhưng hệ thống được hình thành từ các nguyên tử riêng đặc biệt này thì lại có một thuộc tính mới hoàn toàn khác, thậm chí còn đối lập với chúng ban đầu, đó là thuộc tính tổng hợp, chất lượng tổng hợp (nước dập tắt lửa). Về vấn đề này, V. P. Cudomin (1983, tr. 384) nhận thấy “dấu hiệu đầu tiên, dấu hiệu cơ bản của hệ thống là tính chỉnh thể tổng hợp hoặc là sự thống nhất tổng hợp, còn đối tượng nghiên cứu đặc thù là những thuộc tính tổng hợp và những quy luật của khách thể và của phức hợp”.

Vậy thuộc tính tổng hợp, chất lượng tổng hợp này ở đâu mà ra? Nó chính là kết quả của sự liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau giữa các yếu tố cấu thành nên hệ thống.

Như vậy, sự khác biệt giữa hệ thống và tập hợp cơ giới chính là ở chất lượng tổng hợp. Chính chất lượng tổng hợp là đặc trưng của hệ thống. Điều này thể

hiện rất rõ trong các cơ thể sống, như Ph. Ăngghen (1993, tập 20, tr. 698) dẫn lời của Hêghen: “Cả sự tổ hợp cơ giới của xương, máu, sụn, cơ, mô, v.v. lẫn sự tổ hợp hóa học của các nguyên tố cũng không tạo thành được một con vật”. Từ đó, Ph. Ăngghen (1993, tập 20, tr. 746) viết: “... thể hữu cơ, đương nhiên là một sự thống nhất cao, liên kết cơ học, vật lý học và hóa học thành một chỉnh thể, trong đó cái tam vị nhất thể không thể bị tách rời ra được”.

Hay khi phân tích hợp tác xã với tính cách là một hệ thống, là tổng thể những người sản xuất tác động qua lại lẫn nhau, C. Mác (1993, tập 23, tr. 473) chỉ ra rằng: “Giống như sức tấn công của một đội kỵ binh hay sức chống cự của một trung đoàn bộ binh khác về cơ bản với tổng số những sức tấn công hay sức chống cự của từng người kỵ binh hay của từng chiến sĩ bộ binh riêng rẽ, tổng số sức cơ giới của từng công nhân riêng rẽ cũng khác về cơ bản với sức tập thể mà họ phát triển, khi có nhiều cánh tay tham gia cùng một lúc vào cùng một công việc không thể phân chia được”. Trong đó, hợp tác xã (hệ thống), một lực lượng sản xuất mới được hình thành mang tính quần chúng và chính sự giao tiếp xã hội, sự tác động qua lại của những người lao động “đã đẻ ra thi đua, cũng kích thích nguyên khí làm tăng năng suất cá nhân của từng người riêng lẻ” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1993, tập 23, tr. 474).

Xuất phát từ những chỉ dẫn của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, có thể khái quát lại một tập hợp được coi là một hệ thống bao gồm các dấu hiệu đặc trưng cơ bản sau: Thứ nhất, tập hợp ấy

bao gồm các yếu tố mang tính độc lập tương đối; thứ hai, các yếu tố liên hệ, tác động qua lại với nhau; thứ ba, tập hợp ấy chứa đựng chất lượng tổng hợp mà vốn không có trong các yếu tố cấu thành.

Với cách hiểu ấy, có thể định nghĩa hệ thống là một tập hợp bao gồm các yếu tố liên hệ, tác động qua lại với nhau tạo thành một chỉnh thể, nhờ đó chứa đựng những thuộc tính mới, chất lượng mới - chất lượng tổng hợp, mà vốn không có trong các yếu tố cấu thành.

Như vậy, đặc trưng cơ bản của hệ thống là tính chỉnh thể, tạo nên sự thống nhất bền vững, ổn định của hệ thống. Tính chỉnh thể phân biệt tập hợp này với các tập hợp khác. Hệ thống trước hết là một tập hợp, nhưng không phải mọi tập hợp đều là hệ thống. Những tập hợp là tổng số cơ giới giản đơn không phải là hệ thống, bởi vì nó chỉ chứa đựng những mối liên hệ rời rạc, ngẫu nhiên, bên ngoài giữa các yếu tố cấu thành. Hệ thống chỉ trở thành chỉnh thể khi trong đó các yếu tố cấu thành nằm trong một tổ chức, một trật tự nhất định, cái này liên hệ, tác động qua lại với cái kia, chẳng hạn: Hình thái kinh tế-xã hội, lý thuyết khoa học, nguyên tử, trái táo... là các hệ thống; còn tổng số những người trong một rạp hát, một thùng táo không phải là các hệ thống.

Quan điểm trên đây về phạm trù hệ thống cho phép việc nghiên cứu đi sâu vào bản chất và kết cấu bên trong của thế giới vật chất, càng hiểu rõ hơn sự tồn tại của bản thân thế giới là hệ thống của các hệ thống, và điều này đã được chứng minh bởi các thành tựu của khoa

học, mà trước hết là khoa học tự nhiên. Thành thử, tính hệ thống là một trong những đặc điểm cơ bản của hiện thực, là cơ sở của các quá trình và hiện tượng tạo ra chất lượng tổng hợp. Nói đến tính hệ thống là nói đến tính trật tự, tính quy luật, tính phức hợp, tính toàn diện,... của các sự vật, hiện tượng. Những quan niệm của con người về tính hệ thống chỉ là sự phản ánh trong nhận thức về tính hệ thống của thế giới khách quan. Đúng như L. A. Pêtruscô (1975, tr. 174) viết: “Ngay cả huyền thoại cổ đại cũng như tất cả các hệ thống quan niệm sau này, trong đó có các quan niệm triết học, đều phản ánh tính hệ thống, tính tổ chức và sự tự vận động của thế giới khách quan”.

Yếu tố của hệ thống – đó là đơn vị trong thành phần của hệ thống, một thực tại tương đối bền vững được xác định về mặt chất lượng, nằm trong mối liên hệ, tác động qua lại với các thực tại khác và cùng với chúng hình thành nên một hệ thống chỉnh thể.

Đặc trưng của sự liên hệ, tác động qua lại giữa các yếu tố của hệ thống được phản ánh bởi khái niệm “cấu trúc”. Cấu trúc – đó là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố cấu thành hệ thống và xác định đặc trưng về chất của hệ thống với tính cách là một chỉnh thể.

Chức năng của hệ thống là vai trò hoạt động của hệ thống nhằm đạt mục đích nhất định. Do đó, có thể hiểu chức năng – đó là phương thức hoạt động của hệ thống nhằm liên kết các yếu tố thành một chỉnh thể, đảm bảo cho sự hoạt động và phát triển của hệ thống.

## 2. NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA NGUYÊN TẮC TÍNH HỆ THỐNG

Nguyên tắc tính hệ thống có nội dung vô cùng phong phú, nó được biểu hiện thông qua những phương diện cơ bản: Hệ thống - yếu tố, yếu tố - cấu trúc, cấu trúc - chức năng.

### 2.1. Phương diện hệ thống - yếu tố

Để hiểu rõ mối quan hệ biện chứng giữa hệ thống và yếu tố với tính cách là một phương diện của nguyên tắc tính hệ thống, cần phải xem xét mối liên hệ giữa các yếu tố cấu thành hệ thống và giữa hệ thống với môi trường.

Quan điểm duy vật biện chứng khẳng định rằng, bất kỳ một sự vật nào cũng được coi là một hệ thống bao gồm các yếu tố liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau tạo thành một chỉnh thể.

Mỗi hệ thống vừa là hệ thống, nhưng đồng thời vừa là yếu tố của các hệ thống khác có cấp độ cao hơn hoặc thấp hơn, một cách vô tận. Từ đó hình thành nên hệ thống đa cấp độ hay cấu trúc đa hệ. Với cách hiểu như vậy, sự phân biệt giữa hệ thống và yếu tố cũng chỉ mang tính chất tương đối, tùy thuộc vào mối quan hệ, vào góc độ xem xét.

Trong mỗi quan hệ giữa hệ thống và yếu tố thì hệ thống quyết định các yếu tố, quyết định nội dung, kết cấu và phương thức hoạt động của các yếu tố; song các yếu tố có vai trò tác động trở lại đối với hệ thống, bởi vì mọi quá trình của yếu tố đều liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến hệ thống, mỗi yếu tố đều có cơ cấu tự điều chỉnh, khả năng giải quyết mâu thuẫn của yếu tố tạo ra khả năng giải quyết mâu thuẫn của hệ thống.

Về vấn đề này, C. Mác (1993, tập 12, tr. 885) viết: “Mỗi một hình thái xã hội đều có một nền sản xuất nhất định, nền sản xuất này quy định vị trí và ảnh hưởng của tất cả các ngành sản xuất khác và vì vậy, các quan hệ của nền sản xuất đó cũng quy định vị trí và ảnh hưởng của tất cả các ngành sản xuất khác. Đó là cái ánh sáng chung làm cho tất cả mọi màu sắc khác biến mất và làm thay đổi những đặc điểm riêng của chúng. Đó là một thứ ê-te đặc biệt xác định tỉ trọng của tất cả mọi cái gì tồn tại ở trong đó”.

Trong mỗi hệ thống thì yếu tố chỉ tồn tại trong mối liên hệ với các yếu tố khác. Sự biến đổi của một yếu tố sẽ gây nên sự biến đổi nhất định của các yếu tố khác và của toàn bộ hệ thống nói chung. Ngược lại, sự biến đổi của hệ thống cũng sẽ gây nên sự biến đổi nhất định của các yếu tố cấu thành. Sự liên hệ, tác động qua lại giữa các yếu tố của hệ thống làm cho sự vật thành một chỉnh thể mang chất lượng mới mà vốn không có trong từng yếu tố cấu thành.

Xuất phát từ mối quan hệ giữa hệ thống và yếu tố, nguyên tắc tính hệ thống yêu cầu: Trong nhận thức và hoạt động thực tiễn cần phải phân chia đối tượng thành những yếu tố tương đối độc lập, phát hiện ra những mối liên hệ tất yếu giữa chúng; khi xác định bản chất của hệ thống, cần phải xuất phát từ bản chất của các yếu tố, tính đến vị trí, vai trò của từng yếu tố, tính chất của các mối liên hệ lẫn nhau giữa chúng; còn khi xác định bản chất của yếu tố, cần phải tính đến mối liên hệ của nó với các yếu tố khác và với hệ thống nói chung, cũng như phải tính đến bản chất và các

quy luật vận động, phát triển của hệ thống.

Thực chất cách nhìn này của nguyên tắc tính hệ thống là sự cụ thể hóa quan điểm toàn diện của phép biện chứng duy vật.

## 2.2. Phương diện yếu tố - cấu trúc

Đặc trưng của cấu trúc, trước hết phụ thuộc vào bản chất, số lượng và chất lượng của các yếu tố. Mặt khác, chất lượng, vị trí, vai trò và ý nghĩa của các yếu tố, ở một mức độ nhất định, phụ thuộc vào cấu trúc của hệ thống. Sự thay đổi của các yếu tố, nhất là những yếu tố cơ bản sẽ dẫn đến sự thay đổi của cấu trúc; còn sự xuất hiện một cấu trúc mới sẽ gây nên những thay đổi tương ứng đối với các yếu tố tham gia cấu trúc đó, chúng sẽ làm xuất hiện những thuộc tính, những đặc trưng mới về số lượng và chất lượng.

Có thể minh họa sự ảnh hưởng của cấu trúc đối với chất lượng của hệ thống, đối với phương thức tồn tại của nó bằng hiện tượng đồng vị trong hóa học – các nguyên tố hóa học có cùng thành phần và cùng khối lượng phân tử nhưng lại khác nhau căn bản về chất. Điều này có thể giải thích bằng thuyết cấu tạo hóa học của A. M. Butlerop, theo đó, chất lượng của sự liên kết hóa học không chỉ được xác định bởi tính chất và số lượng các nguyên tử cấu thành phân tử, mà còn được xác định bởi cấu trúc liên kết của chúng. Chẳng hạn, cùng từ các nguyên tử cacbon, nhưng với cấu trúc liên kết giữa chúng khác nhau, mà hình thành nên hai sự vật khác nhau là kim cương và than. Từ đó, Butlerop chỉ ra

rằng, xuất phát từ cấu tạo hóa học và hóa trị của các nguyên tử cấu thành thì có thể tiên đoán về mặt lý thuyết các khả năng liên kết hóa học khác nhau.

Mối quan hệ giữa yếu tố và cấu trúc là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, trong đó yếu tố có khuynh hướng thường xuyên biến đổi, còn cấu trúc mang tính ổn định, bền vững và ít biến đổi hơn. Tính ổn định, bền vững tương đối của cấu trúc đóng vai trò quan trọng trong việc liên kết các yếu tố với nhau thành một chỉnh thể thống nhất, đảm bảo cho sự tồn tại của hệ thống và giữ cho những biến đổi của các yếu tố diễn ra trong phạm vi xác định về chất nhất định. Sự có mặt của cấu trúc là điều kiện tích lũy những thay đổi về lượng bên trong hệ thống, làm tiền đề cho sự biến đổi và phát triển về chất của bản thân hệ thống.

Biện chứng giữa yếu tố và cấu trúc là sự cụ thể hóa mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức.

Từ mối quan hệ giữa yếu tố và cấu trúc, nguyên tắc tính hệ thống đòi hỏi: Trong nhận thức và thực tiễn khi giải thích cấu trúc của hệ thống phải thông qua bản chất của các yếu tố, còn khi giải thích các yếu tố phải tính đến bản chất của toàn bộ cấu trúc và sự tác động của cấu trúc đối với các yếu tố. Nói rộng ra, khi nghiên cứu bản chất của hệ thống, không chỉ tính đến bản chất của các yếu tố, mà cần phải tính đến cả cấu trúc của hệ thống và mối quan hệ giữa yếu tố và cấu trúc của nó.

## 2.3. Phương diện cấu trúc - chức năng

Chức năng và cấu trúc có mối quan hệ mật thiết với nhau, đó là sự thống nhất



của các mặt đối lập. Mỗi quan hệ này có ý nghĩa quan trọng trong việc giải thích cơ chế hoạt động và phát triển của hệ thống. Cấu trúc thiết lập nên tính bền vững, còn chức năng biểu hiện sự vận động, phát triển của hệ thống. Bất kỳ một cấu trúc nào khi đã xác định vị trí của một yếu tố trong hệ thống thì cũng quy định chức năng của yếu tố đó. Mặt khác, sự thay đổi của các yếu tố và của toàn bộ hệ thống sẽ kéo theo sự thay đổi về chức năng của chúng. Ngược lại, sự thay đổi chức năng dẫn đến sự thay đổi cấu trúc của hệ thống, làm cho hệ thống chuyển sang giai đoạn phát triển mới hoặc biến thành một hệ thống khác. Chẳng hạn, sự thay đổi của cấu trúc hoặc sự biến dạng của các cơ quan trong cơ thể sẽ dẫn đến sự sai lệch về chức năng của chúng; ngược lại, chức năng của các cơ quan trong cơ thể mà thay đổi thì sớm hay muộn cũng dẫn đến sự thay đổi của cấu trúc cơ thể.

Như vậy là, cấu trúc quyết định chức năng, còn chức năng tác động trở lại cấu trúc của hệ thống. Do đó, nguyên tắc tính hệ thống đòi hỏi: khi xem xét các sự vật, hiện tượng cần phải tính đến việc phân tích chức năng của hệ thống thông qua đặc thù của cấu trúc; đồng thời, khi giải thích cấu trúc phải *thông qua đặc thù của chức năng*.

Nghiên cứu hệ thống là một quá trình vận động của tư tưởng từ thành phần đến cấu trúc và sau đó đến chức năng của hệ thống, song cũng có trường hợp nhận thức lại bắt đầu từ các chức năng. Cách tiếp cận chức năng nhằm mục đích nhận thức các yếu tố và cấu trúc của hệ thống được gọi là phương pháp “hộp

đen”, nghĩa là phải tính đến “đầu vào” và “đầu ra” của khách thể. Vận dụng cách tiếp cận đó là cần thiết và đôi khi ở giai đoạn đầu của nhận thức là cách tiếp cận duy nhất, bởi vì nghiên cứu trực tiếp các yếu tố và cấu trúc có thể rất khó khăn do thiếu các phương tiện kỹ thuật hoặc liên quan đến các khía cạnh nhân văn. Kết quả của sự nghiên cứu chức năng sẽ cho ta những kết luận về cấu tạo bên trong của hệ thống. Chẳng hạn, trong sinh lý học khi nghiên cứu những tác động từ bên ngoài lên các cơ quan cảm giác và phản xạ của cơ thể, I. P. Pavlov đã khám phá ra cơ chế tinh vi trong hoạt động thần kinh cấp cao ở động vật và con người. Hay Mendeleev đã phát minh ra định luật tuần hoàn của các nguyên tố hóa học dựa trên các thông số về lượng của các nguyên tử do chức năng của nó mang lại, từ đó có thể đi sâu vào cấu trúc của nguyên tử với tính cách là một hệ thống.

### 3. KẾT LUẬN

Từ những phương diện cơ bản trên đây, có thể khái quát rằng, nguyên tắc tính hệ thống đòi hỏi khi xem xét các hệ thống chính thể cần phải khám phá ra:

- Bản chất, đặc trưng về chất, chất lượng tổng hợp của hệ thống.
- Cấu trúc của hệ thống, trật tự - tổ chức của nó.
- Các chức năng của hệ thống.
- Mỗi quan hệ hệ thống - yếu tố, yếu tố - cấu trúc, cấu trúc - chức năng.
- Cơ chế tổng hợp bảo đảm tính chỉnh thể, sự hoàn thiện và phát triển của hệ thống.
- Mối liên hệ của hệ thống với môi trường.

- Lịch sử của hệ thống: nguồn gốc, khuynh hướng và triển vọng phát triển.

Nguyên tắc tính hệ thống với tính cách là nguyên tắc phương pháp luận của nhận thức thực tiễn cũng phải mang tính hệ thống, nghĩa là các yêu cầu trên đây cũng phải được thực hiện một cách hệ thống.

*Tóm lại*, tính hệ thống là một trong những nguyên tắc tồn tại cơ bản của

hiện thực, mà ngày nay chúng ta còn phải tiếp tục đào sâu, nghiên cứu kỹ. Trong thế giới không thể có các sự vật, hiện tượng nào lại không có tham số về tính hệ thống. Triết học Mác-Lênin chứng minh một cách khoa học rằng, các khách thể của thế giới rất đa dạng và phức tạp, chúng là các hệ thống hoặc các phức hợp hệ thống. Vì vậy, trong nhận thức và hoạt động thực tiễn không thể không áp dụng nguyên tắc tính hệ thống. □

#### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Sau đây sẽ gọi tên K. Marx là C. Mác theo bản dịch tiếng Việt các tác phẩm kinh điển được trích dẫn trong bài. Tương tự, chúng tôi cũng sử dụng tên phiên âm tiếng Việt của F. Engels (Ph. Ăngghen) và V.I. Lenin (V.I. Lênin) trong bài viết.

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cudomin, V.P. 1983. *Nguyên lý tính hệ thống trong lý luận và phương pháp luận của C.Mác*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
2. Lênin, V.I. 1979. *Toàn tập*, tập 8. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
3. Lênin, V.I. 1980. *Toàn tập*, tập 27. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
4. Lênin, V.I. 1981. *Toàn tập*, tập 29. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
5. Mác, C. và Ăngghen, Ph. 1993. *Toàn tập*, tập 12, 20, 23. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Mác, C. và Ăngghen, Ph. 1995. *Toàn tập*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Mác, C. và Ăngghen, Ph. 1998. *Toàn tập*, tập 46, phần I. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. Pêtrusencô, L.A. 1975. *Sự thống nhất giữa tính hệ thống và tự vận động*. Mátxcova: Nxb. Chính trị.